



DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN 2
LIST OF ACCREDITED CALIBRATION
(Kèm theo Quyết định số: 36.2023/QĐ-VPCNCL ngày 17 tháng 01 năm 2023
của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm vật tư thiết bị cầu đường Quốc gia**

Laboratory: **National road construction equipment materials laboratory**

Cơ quan chủ quản: **Viện Chuyên ngành cơ khí tự động hóa đo lường**

Organization: **Institute of Mechanics automation measurement (IMAM)**

Lĩnh vực: **Đo lường - Hiệu chuẩn**

Field: **Measurement - Calibration**

Người phụ trách/ Representative: **Đinh Trọng Thân**

Người có thẩm quyền ký/ Approved signatory:

TT	Họ và tên/ Name	Phạm vi được ký/ Scope
1.	Đinh Trọng Thân	Các phép hiệu chuẩn được công nhận / <i>Accredited calibrations</i>
2.	Phạm Đình Nam	
3.	Lê Đức Dũng	

Số hiệu/ Code: **VILAS 276**

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: **17/01/2026**

Địa chỉ/ Address: **1252 Đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội**

1252 Lang Road, Lang Thuong Ward, Dong Da District, Ha Noi City

Địa điểm /Location: **1252 Đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội**

1252 Lang Road, Lang Thuong Ward, Dong Da District, Ha Noi City

Điện thoại/ Tel: 0243 766 4248

Fax: 0243 766 3942

E-mail: mayxaydung@itst.gov.vn

Website: <http://itst.gov.vn>;

<http://mayxaydung-tecme.com>

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN 2*LIST OF ACCREDITED CALIBRATIONS***VILAS 276****Lĩnh vực hiệu chuẩn:** **Áp suất***Field of calibration:* *Pressure*

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC)^{1/} <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹</i>
1	Áp kế kiểu lò xo và hiện số, môi trường tạo áp suất thủy lực <i>Pressure gauge with digital and dial indicating type, environmental pressure is hydraulic transmission</i>	(150 ~ 300) bar	ĐLVN 76:2001	9,2 bar
		(300 ~ 400) bar		5,8 bar
		(400 ~ 600) bar		5,1 bar
		600 bar		2,4 bar

Chú thích/ Note:

- ĐLVN: Văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam/ *Vietnam metrology technical document*;

(1) Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) được thể hiện bởi độ không đảm bảo đo mở rộng, diễn đạt ở mức tin cậy 95%, thường dùng hệ số phủ $k=2$ và công bố tối đa tới 2 chữ số có nghĩa. *Calibration and Measurement Capability (CMC) expressed as an expanded uncertainty, expressed at approximately 95% level of confidence, usually using a coverage factor $k=2$ and expressed with maximum 2 significance digits./*